

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MƯỜNG LAY
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGD - ST

Ngày 12 /7 /2018

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MƯỜNG LAY TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Điều Văn Sáng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: ông Thiệu Tất Lơ - thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Mường Lay.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay
xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 15 /2018/HNGĐ -ST ngày 24 tháng 4
năm 2018 về việc” *Ly hôn và tranh chấp nuôi con* “ theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm: 1975 (*có mặt*)

Nơi ĐKKHKT: xóm NT, xã VH, huyện VT, tỉnh TB.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm: 1964 (*có mặt*)

Nơi ĐKKHKT: tổ 5 phường SĐ thị xã ML tỉnh ĐB.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/04/2018 và lời khai tại Tòa nguyên đơn chị
Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau năm 2007
tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh TB, hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay
cản trở gì. Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn do
cách sống của hai người không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu

thuần không thể hàn gắn được. Gia đình thường xuyên mâu thuẫn ảnh hưởng đến con cái. Đến năm 2010 tôi và con tôi đã chuyển về quê bố mẹ đẻ của tôi ở xã V H, huyện VT tỉnh TB sinh sống cho đến nay. Nay tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chúng tôi có một cháu, cháu tên là Nguyễn Đức H sinh ngày 01 tháng 9 năm 2008. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu H vì cháu H ở với tôi từ bé đến nay và thuận tiện cho cháu học hành ở quê nơi cháu đang theo học. Tôi không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày trong bản tự khai ngày 09/5/2018. Anh và chị Đ kết hôn với nhau năm 2007 hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc hay cản trở gì. Vợ chồng sống hạnh phúc hơn 2 năm, sau đó cô Đ bỏ nhà chồng về quê năm 2010, cô Đ có đơn xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có một cháu, cháu tên là Nguyễn Đức H sinh ngày 01 tháng 9 năm 2008. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu H. Tôi không yêu cầu cô Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28 tháng 5 năm 2018 để vợ chồng quay về đoàn tụ. Anh K và chị Đ đã thống nhất đồng ý ly hôn và đồng ý giao con cho chị Đào nuôi dưỡng, sau đó đến ngày 31/5/2018 anh K có ý kiến thay đổi về hôn nhân không đồng ý ly hôn và về con chung xin được nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn K có hộ khẩu thường trú tại tổ 5 phường SĐ, thị xã ML, tỉnh Đ B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện VT, tỉnh TB là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn K hạnh phúc được khoảng 02 năm sau đó nảy sinh mâu thuẫn do cách sống của hai người không hợp nhau. Anh K không muốn ly hôn muốn đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để vợ chồng sống chung một mái nhà, anh K và chị Đ đều xác định vợ chồng đã sống cách xa nhau từ năm 2010 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị Đ xác định tình cảm giữa chị và anh Khánh đến nay không còn, hôn nhân đã thực sự tan vỡ không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn K đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng hai vợ chồng đã sống xa cách từ năm 2010 cho đến nay, anh K không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng, chị Đ vẫn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người. Vì vậy xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, để cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Anh K và chị Đ có một cháu, cháu tên là Nguyễn Đức H sinh ngày 01 tháng 9 năm 2008. Anh K và chị Đ đều có nguyện vọng được nuôi cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con cả anh K và chị Đ đều không yêu cầu. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của anh K và chị Đ đều chính đáng nhưng xét nguyện vọng của cháu H được ở với mẹ và cháu H ở với mẹ từ bé và cháu đang học hành ở xã VH, huyện VT, tỉnh TB. Cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu H đang ổn định. Do vậy HĐXX giao cháu Hiếu cho chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành là phù hợp với quy định theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Văn K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ nên HĐXX không xem xét. Anh Nguyễn Văn K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Đức H cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Nguyễn Văn K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Đ.

2.3 Anh Nguyễn Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2010/02174, ngày 24/4/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mường Lay. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kê từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- VKS thị xã;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA thị xã;
- UBND xã Vũ Hội;
- Lưu KT; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Văn Hàm

